# DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẠT KẾT QỦA QUA KỲ THI TIẾNG HÀN TRÊN MÁY TÍNH ĐƯỢC DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG LỰA CHỌN

*(Kèm theo Công văn số 720/TTLĐNN-TCLĐ ngày 29/8/2016)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Số báo danh | Kỳ thi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Tuấn | 8/27/1984 | Nam | 90300141 | CBT Quý 1/2012 |
| 2 | Phạm Minh Cường | 11/3/1984 | Nam | 90900481 | CBT Quý 3/2012 |
| 3 | Trần Văn Bình | 3/28/1983 | Nam | 91200827 | CBT Quý 4/2015 |
| 4 | Phạm Quang Đồng | 7/25/1984 | Nam | 90300266 | CBT Quý 1/2016 |
| 5 | Hoàng Văn Tình | 12/20/1989 | Nam | 90300973 | CBT Quý 1/2016 |
| 6 | Nguyễn Doãn Hải | 4/10/1990 | Nam | 90301712 | CBT Quý 1/2016 |
| 7 | Trần Văn Ba | 8/15/1982 | Nam | 90600352 | CBT Quý 2/2012 |
| 8 | Nghiêm Bá Tam | 10/23/1985 | Nam | 91200157 | CBT Quý 4/2013 |
| 9 | Nguyễn Anh Dũng | 10/7/1985 | Nam | 91200106 | CBT Quý 4/2012 |
| 10 | Nguyễn Văn Diễn | 9/4/1985 | Nam | 90900134 | CBT Quý 3/2012 |
| 11 | Phạm Xuân Hùng | 10/2/1985 | Nam | 91200196 | CBT Quý 4/2013 |
| 12 | Nguyễn Ngọc Sơn | 10/16/1985 | Nam | 91200018 | CBT Quý 4/2012 |
| 13 | Nguyễn Khắc Phúc | 4/14/1985 | Nam | 90300543 | CBT Quý 1/2016 |
| 14 | Phan Thế Tuyển | 10/16/1985 | Nam | 90300901 | CBT Quý 1/2016 |
| 15 | Nguyễn Văn Linh | 1/25/1986 | Nam | 90301385 | CBT Quý 1/2016 |
| 16 | Mai Tấn Ưng | 12/18/1982 | Nam | 90601640 | CBT Quý 2/2016 |
| 17 | Phan Thị Phương | 12/16/1990 | Nữ | 90601130 | CBT Quý 2/2016 |
| 18 | Đỗ Đình Thạo | 3/13/1987 | Nam | 90600441 | CBT Quý 2/2016 |
| 19 | Vũ Đại Danh | 5/2/1982 | Nam | 90301127 | CBT Quý 1/2016 |
| 20 | Nguyễn Thị Hiền | 1/26/1990 | Nữ | 90301463 | CBT Quý 1/2016 |
| 21 | Bùi Thị Kim Hương | 11/29/1982 | Nữ | 90601649 | CBT Quý 2/2016 |
| 22 | Lê Ngọc Tuấn | 7/25/1984 | Nam | 90300159 | CBT Quý 1/2016 |
| 23 | Trần Văn Hiền | 11/15/1983 | Nam | 90900010 | CBT Quý 3/2012 |
| 24 | Phan Trọng Hảo | 2/3/1987 | Nam | 90601049 | CBT Quý 2/2016 |
| 25 | Nguyễn Hữu Đông | 9/25/1981 | Nam | 90602288 | CBT Quý 2/2016 |
| 26 | Trần Văn Thắng | 1/6/1982 | Nam | 90900405 | CBT Quý 3/2015 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 27 | Hoàng Văn Hợp | 3/5/1984 | Nam | 90300261 | CBT Quý 1/2016 |
| 28 | Văn Ngọc Ngà | 3/15/1990 | Nữ | 90301053 | CBT Quý 1/2016 |
| 29 | Nguyễn Văn Tuân | 3/26/1987 | Nam | 90602361 | CBT Quý 2/2016 |
| 30 | Đồng Văn Ta | 9/11/1985 | Nam | 90600142 | CBT Quý 2/2016 |
| 31 | Nguyễn Thành Phương | 3/12/1982 | Nam | 90601620 | CBT Quý 2/2016 |
| 32 | Đinh Hồng Cảnh | 4/10/1985 | Nam | 90601090 | CBT Quý 2/2016 |
| 33 | Lê Phương Anh | 10/2/1979 | Nam | 90601760 | CBT Quý 2/2016 |
| 34 | Trần Mạnh Dũng | 8/24/1989 | Nam | 90602023 | CBT Quý 2/2016 |
| 35 | Hoàng Quốc Phương | 7/13/1987 | Nam | 90600938 | CBT Quý 2/2016 |
| 36 | Vũ Ngọc Dũng | 7/18/1987 | Nam | 90602304 | CBT Quý 2/2016 |
| 37 | Cấn Thị Lan | 11/5/1990 | Nữ | 90601966 | CBT Quý 2/2016 |
| 38 | Nguyễn Đức Hiếu | 6/20/1988 | Nam | 90601226 | CBT Quý 2/2016 |
| 39 | Nguyễn Ngọc Thùy | 7/4/1985 | Nam | 90600341 | CBT Quý 2/2016 |
| 40 | Tạ Văn Thìn | 8/9/1989 | Nam | 90602490 | CBT Quý 2/2016 |
| 41 | Nguyễn Ngọc Thắng | 7/16/1984 | Nam | 90601718 | CBT Quý 2/2016 |
| 42 | Lê Anh Quý | 12/31/1989 | Nam | 90601943 | CBT Quý 2/2016 |
| 43 | Trần Thanh Hà | 8/28/1988 | Nam | 90600685 | CBT Quý 2/2016 |
| 44 | Hoàng Kỳ Anh | 12/7/1987 | Nam | 90600835 | CBT Quý 2/2016 |
| 45 | Trần Văn Chính | 2/6/1991 | Nam | 90602016 | CBT Quý 2/2016 |